

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU THÁNG 4/2025

Căn cứ Công văn số 5828/UBND-TCKH-GDDT ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Gò Vấp về việc thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác của cơ sở giáo dục và đào tạo công lập thuộc quận năm học 2024-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 177/KH-MNNQ ngày 24 tháng 10 năm 2024 của trường MN Nhật Quỳnh về Kế hoạch chi, thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục và các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác NH 2024-2025;

Căn cứ vào nội dung Hội nghị CMHS đầu năm vào ngày 22,23/10/2024;

Trường MN Nhật Quỳnh thông báo về các khoản thu như sau:

I. HỌC SINH KHỎI NHÀ TRẺ

1.1 Lớp Sóc Nâu, Thỏ Trắng có học năng khiếu + ăn sáng.

➤ Thu học phí

- Học phí nhà trẻ : $200.000đ \times 1 \text{ tháng} = 200.000đ$

➤ Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú : $296.000đ \times 1 \text{ tháng} = 296.000đ$

- Tiền phục vụ ăn sáng : $126.000đ \times 1 \text{ tháng} = 126.000đ$

- Tiền DV nhân viên nuôi dưỡng: $200.000đ \times 1 \text{ tháng} = 200.000đ$

➤ Các khoản thu cho cá nhân trẻ

- Tiền xuất ăn trưa T4/2025 : $36.000đ \times 21 \text{ ngày} = 756.000đ$

- Tiền xuất ăn sáng T4/2025: $17.000đ \times 21 \text{ ngày} = 357.000đ$

- Tiền nước uống: $14.000đ \times 1 \text{ tháng} = 14.000đ$

➤ Các tổ chức các hoạt động giáo dục khác

- Thẻ dực nhịp điệu : $65.000đ \times 1 \text{ tháng} = 65.000đ$

- Tiền kỹ năng sống: $90.000đ \times 1 \text{ tháng} = 90.000đ$

TỔNG CỘNG

2.104.000đ

1.2 Lớp Sóc Nâu, Thỏ Trắng không học năng khiếu + ăn sáng.

➤ Thu học phí

- Học phí nhà trẻ : $200.000đ \times 1 \text{ tháng} = 200.000đ$

➤ Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú : $296.000đ \times 1 \text{ tháng} = 296.000đ$

- Tiền DV nhân viên nuôi dưỡng: $200.000đ \times 1 \text{ tháng} = 200.000đ$

➤ Các khoản thu cho cá nhân trẻ

- Tiền xuất ăn trưa T4/2025 : $36.000đ \times 21 \text{ ngày} = 756.000đ$

- Tiền nước uống: $14.000đ \times 1 \text{ tháng} = 14.000đ$

TỔNG CỘNG

1.466.000đ

II. HỌC SINH KHỐI MẦM + CHƠI

2.1 Lớp Mầm, chồi có học năng khiếu + ăn sáng.

➤ Thu học phí

- Học phí : $160.000đ \times 1 \text{ tháng} = 160.000đ$

➤ Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú : $296.000đ \times 1 \text{ tháng} = 296.000đ$
- Tiền phục vụ ăn sáng : $126.000đ \times 1 \text{ tháng} = 126.000đ$
- Tiền DV nhân viên nuôi dưỡng: $160.000đ \times 1 \text{ tháng} = 160.000đ$

➤ Các khoản thu cho cá nhân trẻ

- Tiền xuất ăn trưa T4/2025 : $36.000đ \times 21 \text{ ngày} = 756.000đ$
- Tiền xuất ăn sáng T4/2025: $17.000đ \times 21 \text{ ngày} = 357.000đ$
- Tiền nước uống: $14.000đ \times 1 \text{ tháng} = 14.000đ$

➤ Các tổ chức các hoạt động giáo dục khác

- Tiền thẻ dự nhp điệu : $65.000đ \times 1 \text{ tháng} = 65.000đ$
- Tiền vẽ : $65.000đ \times 1 \text{ tháng} = 65.000đ$
- Tiền võ : $65.000đ \times 1 \text{ tháng} = 65.000đ$
- Tiếng anh sử dụng phần mềm hỗ trợ $140.000đ \times 1 \text{ tháng} = 140.000đ$
- Tiền kỹ năng sống: $90.000đ \times 1 \text{ tháng} = 90.000đ$

TỔNG CỘNG

2.294.000đ

2.2 Lớp Mầm, chồi không học năng khiếu + ăn sáng.

➤ Thu học phí

- Học phí : $160.000đ \times 1 \text{ tháng} = 160.000đ$

➤ Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú : $296.000đ \times 1 \text{ tháng} = 296.000đ$
- Tiền DV nhân viên nuôi dưỡng: $160.000đ \times 1 \text{ tháng} = 160.000đ$

➤ Các khoản thu cho cá nhân trẻ

- Tiền xuất ăn trưa T4/2025 : $36.000đ \times 21 \text{ ngày} = 756.000đ$
- Tiền nước uống: $14.000đ \times 1 \text{ tháng} = 14.000đ$

TỔNG CỘNG

1.386.000đ

III. HỌC SINH KHỐI LÁ

3.1 Lớp lá có học năng khiếu + ăn sáng.

➤ Thu học phí

- Học phí khối lá được miễn học phí

➤ Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú : $296.000đ \times 1 \text{ tháng} = 296.000đ$
- Tiền phục vụ ăn sáng : $126.000đ \times 1 \text{ tháng} = 126.000đ$
- Tiền DV nhân viên nuôi dưỡng: $160.000đ \times 1 \text{ tháng} = 160.000đ$

➤ Các khoản thu cho cá nhân trẻ

- Tiền xuất ăn trưa T4/2025 : $36.000đ \times 21 \text{ ngày} = 756.000đ$
- Tiền xuất ăn sáng T4/2025: $17.000đ \times 21 \text{ ngày} = 357.000đ$
- Tiền nước uống: $14.000đ \times 1 \text{ tháng} = 14.000đ$

➤ Các tổ chức các hoạt động giáo dục khác

- Tiền thẻ dự nhp điệu : $65.000đ \times 1 \text{ tháng} = 65.000đ$
- Tiền vẽ : $65.000đ \times 1 \text{ tháng} = 65.000đ$

- Tiền vớ :	65.000đ x 1 tháng =	65.000đ
- Tiền anh sử dụng phần mềm hỗ trợ	140.000đ x 1 tháng =	140.000đ
- Tiền kỹ năng sống:	90.000đ x 1 tháng =	90.000đ
TỔNG CỘNG		2.134.000đ

3.2 Lớp lá có học năng khiếu + ăn sáng.

➤ Thu học phí

- Học phí khối lá được miễn học phí

➤ Các khoản thu dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú

- Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú : 296.000đ x 1 tháng = 296.000đ
- Tiền DV nhân viên nuôi dưỡng: 160.000đ x 1 tháng = 160.000đ

➤ Các khoản thu cho cá nhân trẻ

- Tiền xuất ăn trưa T4/2025 : 36.000đ x 21 ngày = 756.000đ
- Tiền nước uống: 14.000đ x 1 tháng = 14.000đ

TỔNG CỘNG

1.226.000đ

Ghi chú: Số ngày ăn tháng 3/2025 của các cháu nghỉ được khấu trừ vào tháng 4/2025.

Học bù 1 ngày: Thứ 7 ngày 26/4/2025 học bù cho Thứ 6 ngày 2/5/2025

Nơi nhận:

- BGH;
- P.Tài chính, P.TV
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thanh Tùng

